TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/DS-ST
Ngày 23 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Văn Đoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn M; Sinh năm: 1963 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1967 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh C .;
- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1972 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*: Bà và chồng bà là ông Huỳnh Văn M làm chủ hụi, bà L là hụi viên và tham gia các dây hụi sau:

+ Dây hụi 1.000.000đ, khui ngày 10/02/2019 âl gồm 43 chân, bà L chơi 01 chân, góp được 02 lần và trúng thăm hốt 26.460.000 đồng, đóng lại hụi chết được 19 lần bằng số tiền 20.000.000 đồng còn phải đóng hụi chết với số tiền 23.000.000 đồng, hiện hụi chưa mãn (tháng 11/2022 mãn), đến nay bà L không đóng hụi chết.

+ Dây hụi 1.000.000đ, khui ngày 25/5/2019 âl gồm 28 chân, bà L chơi 01 chân, bà L trúng thăm hốt khoảng 21.000.000 đồng, góp được 16 lần bằng 16.000.000 đồng, bà L còn nợ lại 12.000.000 đồng, sau đó không đóng nữa, hiện hụi đã mãn.

Như vậy cả 02 dây hụi bà L hốt 02 chân còn nợ lại tổng số tiền

39.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chốt hụi đối với dây hụi ngày 10/02/2019 đến khi mãn hụi (tháng 11/2022) và dây hụi ngày 25/5/2019 (hụi đã mãn), bà yêu cầu bà L trả số tiền nợ hụi 39.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- *Nguyên đơn ông Huỳnh Văn M trình bày*: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà H, không bổ sung ý kiến gì thêm.

- *Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:* Bà có tham gia chơi hụi do bà H, ông M làm chủ hụi, cụ thể: Hụi khui ngày 10/02/2019 âl, hụi 43 chân, bà hốt được số tiền bao nhiêu không nhớ, sau đó đóng lại được 17 lần với số tiền 17.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng và phải đóng 13 lần đến khi hụi mãn, số tiền 13.000.000 đồng, tổng cộng dây hụi này bà còn nợ lại 21.000.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 25/5/2019 âl, hụi 28 chân, bà hốt được số tiền 16.100.000 đồng sau khi đã trừ tiền hoa hồng. Sau đó đóng lại được 16 lần với số tiền 16.000.000 đồng , còn nợ lại 10.000.000 đồng đến khi hụi mãn, tổng cộng dây hụi này bà còn nợ lại 10.000.000 đồng. Tổng cộng hai dây hụi bà đồng ý chốt hụi đến khi mãn hụi, bà còn nợ lại bà H số tiền 31.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xác định bà L còn nợ bà số tiền hai dây hụi là 43.400.000 đồng và yêu cầu bà L thanh toán số tiền này. Bị đơn bà Trần Thị L xác định trước đây bà có trình bày là bà còn nợ lại bà H số tiền 31.000.000 đồng nhưng sau khi về thì bà nhớ ra là có nhờ người em đóng cho bà H 1.000.000 đồng nên tổng hai dây hụi bà còn nợ bà H số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Do các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H và chồng là ông Huỳnh Văn M làm chủ hụi có mở các dây hụi: Dây hụi 1.000.000đ, khui ngày 10/02/2019 âl gồm 43 chân, bà L chơi 01 chân, hiện hụi chưa mãn (tháng 11/2022 mãn). Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 25/5/2019 âl, gồm 28 chân, bà L chơi 01 chân, hiện hụi đã mãn. Hai dây hụi này bà H, ông M làm chủ hụi và bà L có tham gia là thực tế có xãy ra được các bên thừa nhận.

[3] Bà H cho rằng các dây hụi bà L tham gia đã hốt và chưa đóng tiền hụi chết cụ thể sau:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/02/2019 âl, bà L chơi 01 chân, góp

được 02 lần và trúng thăm hốt 26.460.000 đồng, đóng lại hụi chết được 19 lần bằng số tiền 20.000.000 đồng còn phải đóng hụi chết với số tiền 23.000.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng , khui ngày 25/5/2019 âl, gồm 28 chân, bà L chơi 01 chân, bà L trúng thăm hốt khoảng 21.000.000 đồng, góp được 16 lần bằng 16.000.000 đồng, bà L còn nợ lại 12.000.000 đồng, sau đó không đóng nữa, hiện hụi đã mãn.

Như vậy cả 02 dây hụi bà L hốt 02 chân còn nợ lại tổng số tiền 39.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chốt hụi đối với dây hụi ngày 10/02/2019 đến khi mãn hụi (tháng 10/2022) và dây hụi ngày 25/5/2019 (hụi đã mãn), bà yêu cầu bà L trả số tiền nợ hụi 39.000.000 đồng. Tại đơn yêu cầu ngày 16/01/2021 và tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà L trả số tiền 43.400.000 đồng.

[4] Bà L thống nhất với trình bày của bà H về việc bà tham gia hụi cũng như thời gian bà hốt hụi như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên thời gian bà đóng hụi chết như bà H trình bày là chưa đúng cụ thể: Dây hụi khui ngày 10/02/2019, hụi 43 chân, sau đó đóng lại được 17 lần với số tiền 17.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng và phải đóng 13 lần đến khi hụi mãn, số tiền 13.000.000 đồng, tổng cộng dây hụi này bà còn nợ lại 21.000.000 đồng. Dây hụi khui ngày 25/5/2019 âl, hụi 28 chân, bà hốt được số tiền 16.100.000 đồng sau khi đã trừ tiền hoa hồng. Sau đó đóng lại được 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng, tổng cộng dây hụi này bà còn nợ lại 9.000.000 đồng. Tổng cộng hai dây hụi bà còn nợ lại bà H số tiền 30.000.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà L tham gia các dây hụi do bà H, ông M mở và đã hốt hụi như bà H trình bày được các đương sự thống nhất đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Việc bà L thiếu tiền hụi chết chưa đóng cho bà H là thực tế có xãy ra được bà L thừa nhận. Nhưng số kỳ hụi chết phía bà L còn phải đóng cho bà H hai bên chưa thống nhất. Bà H xác định trong quá trình chơi hụi bà L đóng hụi chết cho bà không đầy đủ, có tháng đóng, tháng không, có thời gian bà L bỏ đi, bà có lập danh sách hụi viên, giấy giao kèo hụi để theo dõi các hụi viên đóng hụi, bà chỉ cung cấp cho Tòa án bản phô tô danh sách hội viên và giấy giao kèo hụi. Việc đi gom hụi có lúc bà đi gom, có lúc bà giao cho chồng bà đi gom. Đối với bà L cho rằng khi bà đóng tiền hụi cho bà H thì bà cũng có theo dõi bằng cách ghi ra giấy, khi bà đóng hụi chết không yêu cầu phía bà H ký nhận tiền hụi. Bà L xác định khi hụi viên đóng hụi sống cũng như hụi chết thì chủ hụi không có ký nhận tiền hụi mà do chủ hụi tự theo dõi.

[7] Xét thấy bà H, ông M khởi kiện cho rằng bà L thiếu tiền hụi chết số tiền 39.000.000 đồng, tại phiên tòa yêu cầu 43.400.000 đồng, nhưng bà L xác định đã đóng hụi chết cho bà H chỉ còn thiếu 30.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nghĩa vụ chứng minh bà L thiếu tiền hụi chết bà H, ông M thuộc về bà H, ông M, nhưng bà H, ông M không đưa ra được chứng cứ

chứng minh số tiền hụi chết bà L thiếu. Việc theo dõi số tiền hụi chết bà L còn phải đóng của bà H lúc thì 39.000.000 đồng, lúc thì 43.400.000 đồng, dây hụi ngày 25/5/2019 âl có lúc bà cho rằng 29 chân, có lúc 28 chân. Thấy rằng, việc theo dõi tiền hụi của bà H là không chính xác, lời trình bày không thống nhất, việc theo dõi của bà H là do bà tự ghi và tự theo dõi. Việc gom hụi chết của các hụi viên do bà tự theo dõi, khi mãn hụi cũng không có chốt hụi đối với hụi viên, trong quá trình gom hụi thì bà L có đóng hụi nhiều lần nhưng bà không theo dõi cụ thể từng lần.

[8] Việc bà H, ông M là chủ hụi nhưng không theo dõi hụi cụ thể từng dây hụi là lỗi của bà H, ông M. Do đó lời trình bày của bà H, ông M yêu cầu bà L trả tổng số tiền hụi thiếu là 39.000.000 đồng là không có căn cứ. Đối với đơn yêu cầu ngày 16/01/2021 và tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà L trả số tiền 43.400.000 đồng là sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bà H yêu cầu số tiền trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với việc chấp nhận trình bày của bà L còn thiếu bà H, ông M 31.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà cho rằng có nhờ người em đóng cho bà H 1.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ bà H 30.000.000 đồng nhưng bà cũng không đưa ra được tài liệu, giấy tờ gì để chứng minh nên số tiền bà L còn nợ bà H là 31.000.000 đồng là có cơ sở. Do bà L đã hốt hụi và chủ hụi đã giao đầy đủ tiền lĩnh hụi cho bà L nên bà L phải có trách nhiệm đóng hụi cho chủ hụi, do đó chấp nhận một phần yêu cầu của bà bà H, ông M yêu cầu bà L trả số tiền hụi chưa đóng số tiền 31.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, ông M yêu cầu bà L trả số tiền hụi thiếu là 8.000.000 đồng là phù hợp Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[9] Án phí sơ thẩm: Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, ông M nên bà H, ông M phải chịu án phí sơ thẩm 8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đồng; bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm 31.000.000 đồng x 5% = 1.550.000 đồng theo quy định điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn M.

Buộc bà Trần Thị L trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn M số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn M yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà H, ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L không thi hành xong khoản tiền trên, bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn M phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 400.000 đồng. Ngày 02/11/2021 ông M có dự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số tiền 975.000 đồng theo biên lai thu số 0004107 được đối trừ số tiền còn lại bà H, ông M được nhận lại 575.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.550.000 đồng (chưa nộp).

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn M, bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Đoan